

# KHẢ NĂNG THANH TOÁN CỦA DOANH NGHIỆP - GÓC NHÌN TỪ CÁC DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG NIÊM YẾT VIỆT NAM

Ths. Nguyễn Thị Tuyết\*

**Khả năng thanh toán là một trong những tiêu chí đánh giá năng lực tài chính của DN. Tuy nhiên với mỗi loại hình doanh nghiệp, quy mô vốn, ngành nghề lĩnh vực kinh doanh, tính chất sở hữu của nhà nước khác nhau thì chỉ tiêu này cũng khác nhau. Bài viết dựa trên khảo sát 72 doanh nghiệp xây dựng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, phân tích thực trạng về khả năng thanh toán của nhóm doanh nghiệp này, từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao khả năng thanh toán cho các doanh nghiệp xây dựng niêm yết Việt Nam.**

• Từ khóa: khả năng thanh toán, năng lực tài chính, doanh nghiệp xây dựng.

*Liquidity is one of the criteria to assess financial capacity of an enterprise. However, for each type of business, capital scale, business sectors, and the nature of different state ownership, this indicator also varies. The article is based on the survey of 72 listed construction companies on the Vietnamese stock market, analyzing the current situation of liquidity of this group of enterprise, thus proposing some solutions to improve the liquidity of Vietnamese construction companies listed on the market stock.*

• Keywords: solvency, financial capacity, construction business.

Ngày nhận bài: 2/5/2019

Ngày chuyển phản biện: 10/5/2019

Ngày nhận phản biện: 15/5/2019

Ngày chấp nhận đăng: 20/5/2019

## Khả năng thanh toán của các DN xây dựng niêm yết Việt Nam giai đoạn 2012-2018

Khả năng thanh toán được đánh giá qua các chỉ tiêu cơ bản: hệ số khả năng thanh toán hiện thời, hệ số khả năng thanh toán nhanh, hệ số khả năng thanh toán tức thời.

$$\text{Khả năng thanh toán hiện thời} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Qua số liệu bảng 1 cho thấy, nhìn chung khả năng thanh toán hiện thời của các DN XD niêm yết đã có sự gia tăng trong cả giai đoạn 2012 - 2016. Hệ số thanh toán hiện thời của các DN đều lớn hơn 1, điều này cho thấy các khoản nợ ngắn hạn đều được đảm bảo bởi tài sản ngắn hạn của DN, khả năng thanh toán hiện thời của DN đáp ứng được yêu cầu an toàn về mặt tài chính. Về xu hướng biến động của hệ số thanh toán hiện thời, đối với cả 3 nhóm DN phân theo quy mô, DN phân theo tỷ lệ sở hữu của nhà nước và DN phân theo ngành nghề xây dựng đều có xu hướng tăng thể hiện sự gia tăng khả năng thanh toán bằng các tài sản ngắn hạn. Qua kết quả tính toán cho thấy nhóm DN XD NY có quy mô vốn dưới 500 tỷ, nhóm DN XD NY không có vốn góp của nhà nước và nhóm DN XD dân dụng niêm yết có hệ số thanh toán hiện thời cao nhất, thấp nhất là nhóm DN XD NY có quy mô vốn từ 500 đến 1000 tỷ, nhóm DN XD NY có vốn góp chi phối của nhà nước và nhóm DN XD công nghiệp niêm yết. Như vậy có thể thấy nhóm DN XD NY có hệ số thanh toán hiện thời cao theo đuổi mục tiêu về đảm bảo khả năng thanh toán hơn là tập trung vào nâng cao khả năng sinh lời, để chịu mức rủi ro thấp hơn nhóm DN này chấp nhận mức sinh lời thấp. Ngược lại, nhóm DN có hệ

\* Học viện Tài chính

**Bảng 1. Khả năng thanh toán hiện thời của các DNXDNY Việt Nam giai đoạn 2012-2018**

	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
<i>Đơn vị: Lần</i>							
<b>Phân theo quy mô vốn</b>							
Nhóm DNXDNY có QMV dưới 500 tỷ	1,32	1,34	1,32	1,27	1,39	1,43	1,46
Nhóm DNXDNY có QMV từ 500 đến 1000 tỷ	1,23	1,22	1,11	1,18	1,18	1,12	1,18
Nhóm DNXDNY có QMV trên 1000 tỷ	1,13	1,14	1,15	1,19	1,27	1,27	1,26
<b>Phân theo tỷ lệ sở hữu của nhà nước</b>							
Nhóm DNXDNY có vốn góp chi phối của NN	1,09	1,01	1,09	1,1	1,14	1,1	1,09
Nhóm DNXDNY có một phần vốn góp của NN	1,19	1,2	1,15	1,12	1,11	1,13	1,12
Nhóm DNXDNY không có vốn góp của NN	1,18	1,26	1,19	1,28	1,37	1,37	1,36
<b>Phân theo ngành nghề xây dựng</b>							
Nhóm DNXD hạ tầng niêm yết	1,11	1,22	1,11	1,26	1,31	1,26	1,22
Nhóm DNXD công nghiệp niêm yết	1,09	1,03	1,12	1,07	1,13	1,12	1,16
Nhóm DNXD dân dụng niêm yết	1,33	1,32	1,25	1,29	1,37	1,39	1,35
<b>BQ các DNXDNY</b>	<b>1,15</b>	<b>1,16</b>	<b>1,15</b>	<b>1,19</b>	<b>1,26</b>	<b>1,26</b>	<b>1,25</b>

Nguồn: 72 DNXDNY được khảo sát và tính toán của tác giả

số thanh toán hiện thời thấp theo đuổi mục tiêu sinh lời và tối thiểu hoá chi phí tài chính nên thường duy trì vốn tồn kho ở mức hạn chế, đẩy nhanh thu hồi các khoản phải thu từ khách hàng và trì hoãn các khoản phải trả.

$$\text{Khả năng thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Hệ số khả năng thanh toán nhanh cho biết khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của DN bằng các tài sản ngắn hạn có tính thanh khoản cao (không bao gồm hàng tồn kho). Qua bảng số 2 cho thấy, hệ số khả năng thanh toán nhanh của các DN nhìn chung có xu hướng tăng trong đó nhóm DNXDNY có quy mô vốn dưới 500 tỷ, nhóm DNXDNY không có chi phối của Nhà nước, nhóm DNXD dân dụng niêm yết có hệ số cao nhất. Đối với nhóm DNXDNY có quy mô vốn dưới 500 tỷ có hệ số cao nhất giao động trong khoảng 0,9 đến 1,09 lần, giai đoạn 2016 - 2018 hệ số này đều lớn hơn 1 cho thấy các khoản nợ ngắn hạn của DN đều được đảm bảo bởi tài sản ngắn hạn (không bao gồm hàng tồn kho), DN đáp ứng được yêu cầu về an toàn tài chính. Cũng như nhóm DN này nhóm không có

vốn góp của Nhà nước trong giai đoạn 2016-2018 hệ số này cũng lớn hơn 1, cụ thể như một số DN có mã SVN (14,27 lần), VE1 (8,69 lần), UNI (3,45 lần), VE9 (3,40 lần)... Ngược lại, nhóm có quy mô vốn 500 đến 1000 tỷ, nhóm DN có sự chi phối của nhà nước và nhóm DN xây dựng công nghiệp có hệ số thanh toán hiện thời thấp nhất giao động trong khoảng 0.63 đến 0,78 lần, điển hình là trong nhóm DN có sự chi phối của nhà nước hệ số này thấp hơn cả ( như các mã L61, LO5, LM7, LM8, PVX chỉ 0,48 đến 0,52 lần).

$$\text{Khả năng thanh toán tức thời} = \frac{\text{Tiền và các khoản tương đương}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Qua bảng số liệu cho thấy xét theo cả 3 cách phân loại là theo quy mô, theo tính chất sở hữu và theo ngành nghề xây dựng thì các DN trong 3 nhóm này đều có hệ số thanh toán tức thời đều ở mức rất thấp, điều này là do ảnh hưởng của đặc điểm ngành nghề kinh doanh, đa số các DNXD duy trì lượng tiền mặt trong quỹ không nhiều so với tổng tài sản của DN. Do vậy khả

**Bảng 2. Khả năng thanh toán nhanh của các DNXDNY Việt Nam giai đoạn 2012-2018**

	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
<i>Đơn vị tính: Lần</i>							
<b>Phân theo quy mô vốn</b>							
Nhóm DNXDNY có QMV dưới 500 tỷ	0,9	0,91	0,92	0,91	1,02	1,09	1,05
Nhóm DNXDNY có QMV từ 500 đến 1000 tỷ	0,66	0,7	0,73	0,83	0,8	0,74	0,75
Nhóm DNXDNY có QMV trên 1000 tỷ	0,7	0,73	0,76	0,8	0,86	0,9	0,91
<b>Phân theo tỷ lệ sở hữu của Nhà nước</b>							
Nhóm DNXDNY có vốn góp chi phối của NN	0,7	0,6	0,62	0,59	0,63	0,65	0,67
Nhóm DNXDNY có một phần vốn góp của NN	0,64	0,69	0,71	0,71	0,7	0,75	0,75
Nhóm DNXDNY không có vốn góp của NN	0,72	0,86	0,89	0,99	1,02	1,04	1,03
<b>Phân theo ngành nghề xây dựng</b>							
Nhóm DNXDHTNY	0,63	0,75	0,79	0,9	0,95	0,98	0,93
Nhóm DNXDCCNNY	0,7	0,65	0,68	0,67	0,68	0,71	0,78
Nhóm DNXDĐDDNY	0,8	0,89	0,87	0,92	0,97	1	0,97
<b>BQ các DNXDNY</b>	<b>0,70</b>	<b>0,74</b>	<b>0,76</b>	<b>0,81</b>	<b>0,86</b>	<b>0,89</b>	<b>0,90</b>

Nguồn: 72 DNXDNY được khảo sát và tính toán của tác giả

**Bảng 3. Khả năng thanh toán tức thời của DNXDNY Việt Nam giai đoạn 2012-2018**

*Đơn vị tính: Lần*

	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
<b>Phân theo quy mô vốn</b>							
Nhóm DNXDNY có QMV dưới 500 tỷ	0,1	0,07	0,09	0,1	0,11	0,14	0,11
Nhóm DNXDNY có QMV từ 500 đến 1000 tỷ	0,08	0,08	0,14	0,12	0,09	0,07	0,06
Nhóm DNXDNY có QMV trên 1000 tỷ	0,08	0,13	0,14	0,15	0,15	0,13	0,08
<b>Phân theo tỷ lệ sở hữu của nhà nước</b>							
Nhóm DNXDNY có vốn góp chi phối của NN	0,07	0,11	0,13	0,09	0,1	0,07	0,07
Nhóm DNXDNY có một phần vốn góp của NN	0,08	0,08	0,09	0,1	0,08	0,07	0,06
Nhóm DNXDNY không có vốn góp của NN	0,1	0,15	0,15	0,2	0,19	0,16	0,09
<b>Phân theo ngành nghề xây dựng</b>							
Nhóm DNXDHTNY	0,06	0,1	0,12	0,18	0,18	0,19	0,1
Nhóm DNXDCCNNY	0,07	0,12	0,14	0,11	0,1	0,09	0,08
Nhóm DNXDĐDDNY	0,14	0,16	0,14	0,17	0,16	0,11	0,06
<b>BQ các DNXDNY</b>	<b>0,08</b>	<b>0,12</b>	<b>0,14</b>	<b>0,15</b>	<b>0,14</b>	<b>0,12</b>	<b>0,08</b>

*Nguồn: 72 DNXDNY được khảo sát và tính toán của tác giả*

năng đảm bảo các khoản nợ ngắn hạn bằng tiền và các khoản tương đương tiền là rất thấp. Xét trong cả giai đoạn 2012-2017, nhóm DN có hệ số thanh toán tức thời tốt nhất đại diện cho 3 tiêu chí phân loại đó là nhóm DN có quy mô vốn trên 1000 tỷ, nhóm DN không có sự chi phối của nhà nước và nhóm DNXD hạ tầng niêm yết. Trong đó năm 2016 hệ số này của cả 3 nhóm đạt con số cao nhất như 0,15 lần với nhóm DNXD có QMV trên 1000 tỷ, nhóm DNXD không có chi phối của nhà nước là 0,19 lần và nhóm DNXD hạ tầng niêm yết là 0,18 lần, năm 2018 có sự sụt giảm đáng kể lần lượt 3 nhóm kể trên giảm xuống còn 0,08 lần; 0,09 lần; 0,1 lần. Với các DNXD có quy mô vốn 500 đến 1000 tỷ, DNXD có một phần vốn góp của nhà nước và DNXD công nghiệp thì hệ số thanh toán tức thời rất thấp liên tục sụt giảm trong giai đoạn 2015-2018. Điều này có thể được lý giải bởi một số nguyên nhân như: các khoản nợ ngắn hạn của DN đều tăng hơn so với các năm trước; vốn bằng tiền của các DN giảm đi. Vậy để đảm bảo khả năng thanh toán tức thời được duy trì ở mức tốt nhất có thể thì DN cần xem xét phân bổ mức vốn bằng tiền cho hợp lý, đảm bảo kỷ luật trong thanh toán các khoản nợ nói chung và nợ ngắn hạn nói riêng để nâng cao uy tín của DN trong quan hệ với các đối tác kinh doanh.

## Kết luận

Từ những phân tích trên và số liệu tính toán thực hiện trên 72 DNXDNY Việt Nam nhìn chung đại bộ phận các DN niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán được khảo sát trong cả giai đoạn 2012-2018 đều có sự cố gắng nâng cao khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

Để đạt được điều này là sự cố gắng rất lớn từ bản thân các DN, sự ổn định của môi trường kinh tế trong nước cũng như các chính sách vĩ mô tạo tiền đề cho các DN ổn định và phát triển. Bên cạnh đó vẫn còn một số DN khả năng thanh toán còn hạn chế ảnh hưởng đến an toàn tài chính của DN do đó những DN này cần xem xét lại để tìm ra biện pháp xử lý như tăng cường công tác quản trị vốn bằng tiền, hàng tồn kho, các khoản nợ phải trả, nợ phải thu cho phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của DN...

## Tài liệu tham khảo:

Phạm Thị Vân Anh (2012), *Các giải pháp nâng cao năng lực tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sỹ kinh tế, Học viện Tài chính, Hà Nội.

Lã Thị Lâm (2016), *Nâng cao năng lực tài chính của các Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sỹ kinh tế, Học viện Tài chính, Hà Nội.

Ngô Thị Kim Hoà (2018), *Quản trị vốn kinh doanh trong các doanh nghiệp xây dựng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam*, Luận án tiến sỹ kinh tế, Học viện Tài chính, Hà Nội.

Nguyễn Đình Hoàn (2017), *Giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp xây dựng Việt Nam*, Luận án tiến sỹ kinh tế, Học viện Tài chính.

TS. Bùi Văn Vân, TS. Vũ Văn Ninh (2013), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính.